

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐỢT 2 NĂM 2022

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Điểm xét tuyển	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	Nguyễn Bình An	Nam	03/11/1999	QHQT.001	8.25	Chứng chỉ Bậc 4 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Học viện An ninh nhân dân	
2	Dương Đức Anh	Nam	10/03/1999	QHQT.002	7.00	Cử nhân ngành Văn học Khơ me, Đại học Hoàng gia Phnom Penh, Campuchia	
3	Đào Sơn Anh	Nam	30/12/2000	QHQT.003	9.00	Chứng chỉ Ielts 8.0, Hội đồng Anh	
4	Hồ Phương Anh	Nữ	11/12/1997	QHQT.004	7.00	Chứng chỉ Ielts 6.5, Hội đồng Anh	
5	Nguyễn Hà Phương Anh	Nữ	14/09/1998	QHQT.005	7.00	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Ả rập, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia HN	
6	Phạm Ngọc Ánh	Nam	16/07/1985	QHQT.006	7.00	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp, Đại học Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia HN	



02

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Điểm xét tuyển	Ngoại ngữ	Ghi chú
7	Phan Huy Bảo	Nam	27/02/1994	QHQT.007	7.50	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, Học viện Quốc tế	
8	Nguyễn Thị Bình	Nữ	27/09/1992	QHQT.008	8.50	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Oklahoma, Mỹ	
9	Nguyễn Trường Giang	Nam	30/06/1994	QHQT.012	7.00	Chứng chỉ Tiếng Nhật cấp độ N2, Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản	
10	Phan Thị Hà	Nữ	25/06/1995	QHQT.013	8.00	Chứng chỉ Ielts 6.5, Hội đồng Anh	
11	Vũ Lê Hiếu	Nam	05/05/1997	QHQT.014	-	Cử nhân ngành QHQT, Đại học Phòng vệ Nhật Bản	Không đạt
12	Hoàng Trọng Hiệp	Nam	14/09/2000	QHQT.015	8.10	Chứng chỉ Delf B2, Ủy ban quốc gia về DELF và DALF	
13	Lê Việt Hoàng	Nam	15/01/1999	QHQT.016	7.10	Chứng chỉ Toiec 4 kỹ năng, IIG Việt Nam - Nghe, đọc: 870; - Nói, viết: 300	
14	Trần Việt Hùng	Nam	12/11/1995	QHQT.017	-	Cử nhân ngành Kinh doanh, Đại học Kaplan, Úc	Không đạt

02

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Điểm xét tuyển	Ngoại ngữ	Ghi chú
15	Nguyễn Đức Huy	Nam	06/09/1992	QHQT.018	12.00	Cử nhân ngành Báo chí, Đại học Messiah, Mỹ	
16	Phùng Thu Hương	Nữ	27/07/1989	QHQT.019	8.00	Chứng chỉ Bậc 4 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội	
17	Nguyễn Phương Linh	Nữ	06/07/2000	QHQT.021	7.00	Chứng chỉ Ielts 7.5, Hội đồng Anh	
18	Phạm Quốc Nam	Nam	09/03/1989	QHQT.023	8.00	Cử nhân ngành Tài chính và ngân hàng, Đại học Ngân hàng và thương mại EBC, Mexico	
19	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	24/11/1990	QHQT.024	9.00	Cử nhân ngành Nghiên cứu toán tử, thống kê và kinh tế, Đại học Warwick, Anh	
20	Trần Bích Ngọc	Nữ	27/10/1997	QHQT.025	7.00	Chứng chỉ Bậc 4 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
21	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	24/07/2000	QHQT.027	9.00	Chứng chỉ Ielts 7.5, Hội đồng Anh	
22	Đào Duy Quang	Nam	12/07/1994	QHQT.028	7.00	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp, Đại học Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia HN	

22

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Điểm xét tuyển	Ngoại ngữ	Ghi chú
23	Nhâm An Thái	Nam	10/02/1999	QHQT.030	7.10	Chứng chỉ Bậc 4 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
24	Nguyễn Trọng Thành	Nam	26/09/1999	QHQT.032	7.10	Chứng chỉ Bậc 3 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
25	Trịnh Duy Thành	Nam	05/07/1999	QHQT.033	7.10	Chứng chỉ Ielts 7.0, Hội đồng Anh	
26	Lê Phương Thảo	Nữ	20/07/1991	QHQT.034	8.50	Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Nga, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội	
27	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	04/11/1999	QHQT.035	7.00	Chứng chỉ Bậc 4 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Học viện An ninh nhân dân	
28	Châu Hương Thi	Nữ	31/05/2001	QHQT.036	7.00	Cử nhân ngành QHQT, Đại học Quốc gia QHQT Moscow, Nga	
29	Vũ Thị Hồng Thu	Nữ	02/09/1999	QHQT.037	7.00	Chứng chỉ B1 Khung châu Âu, Học viện An ninh nhân dân.	
30	Nguyễn Anh Thu	Nữ	10/04/1999	QHQT.038	8.00	Cử nhân ngành QHQT, Đại học Ritshumeikan, Nhật Bản	

02

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Điểm xét tuyển	Ngoại ngữ	Ghi chú
31	Đỗ Thị Thùy Trang	Nữ	05/10/1996	QHQT.039	-	Cử nhân ngành Quản trị khách sạn, Đại học Công Nghệ, Pháp	Không đạt
32	Nguyễn Khánh Trọng	Nam	28/11/1999	QHQT.041	7.00	Chứng chỉ Ielts 7.0, Hội đồng Anh	
33	Nguyễn Anh Vũ	Nam	03/07/1999	QHQT.043	-	Cử nhân ngành QHQT học hoàn toàn bằng ngôn ngữ Anh, Đại học Pan-european, Cộng hòa Slovakia	Không đạt

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Người lập bảng



Đỗ Thị Thanh Bình

CHỦ TỊCH HĐTS

Q. GIÁM ĐỐC



Phạm Lan Dung

